

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2023

CTCP Ngoại thương và Phát triển Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 15/01/2024	16,750 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-0.9%	32.9%	8.4%

DT thuần Q4/23
4.97
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.09 -1.7%
YoY: ▲ 0.44 9.8%

LN thuần Q4/23
-0.30
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.00 -143%
YoY: ▲ 200 99.9%

LN sau thuế Q4/23
-0.22
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.06 -126%
YoY: ▲ 199 99.9%

Tỷ lệ lãi EBIT 2023
3.9%
YoY: +/-▲ 1152%

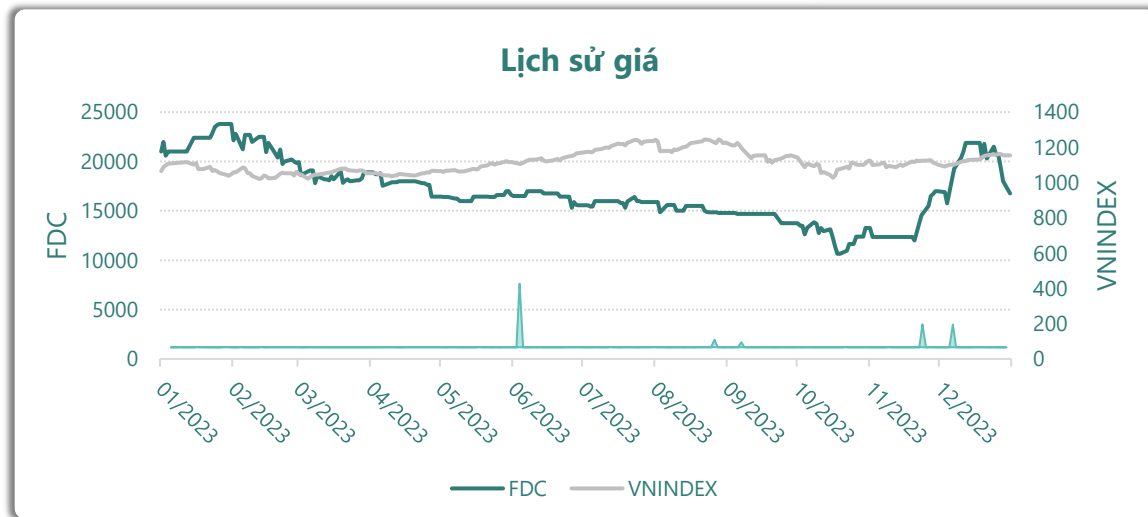
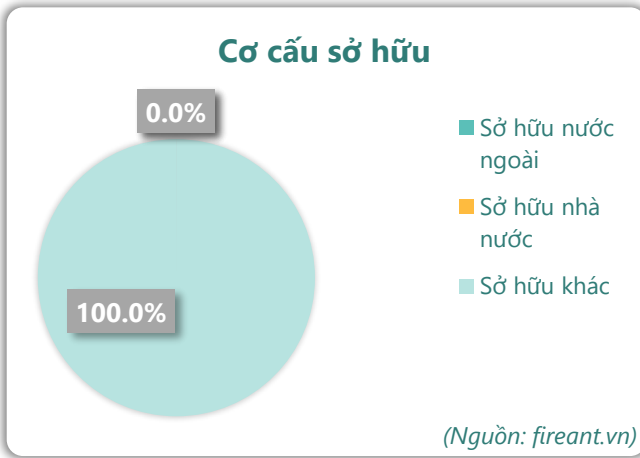
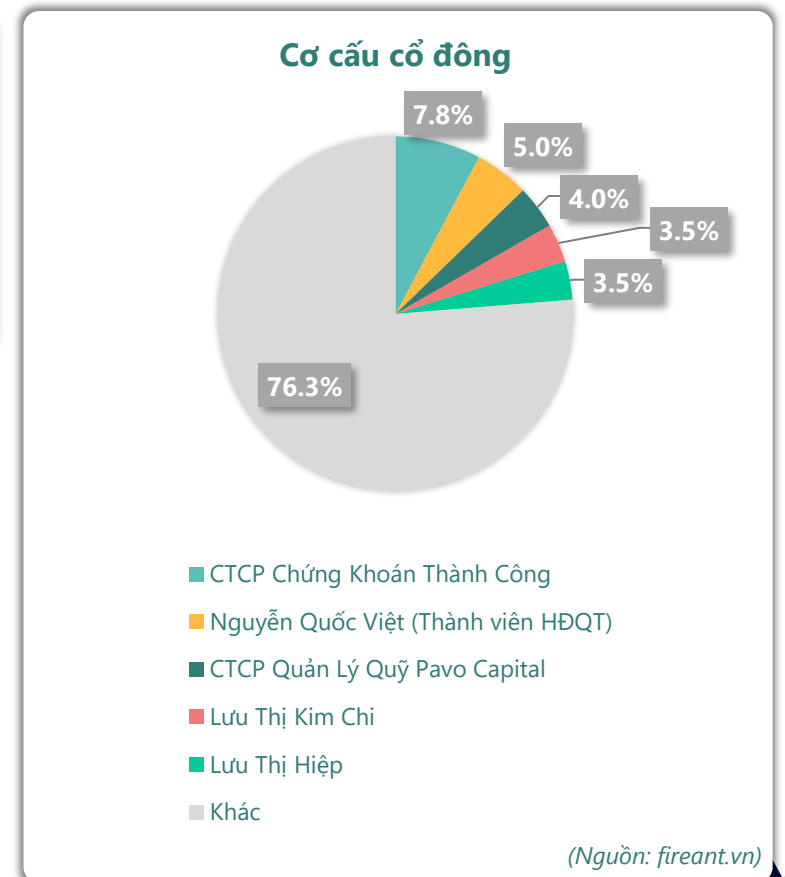
ROE 2023
0.2%
YoY: +/-▲ 36.5%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	10,650 - 23,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	647
Số lượng CPLH (CP)	38,623,488
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,420
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.25
EPS	19
P/E	1167.0

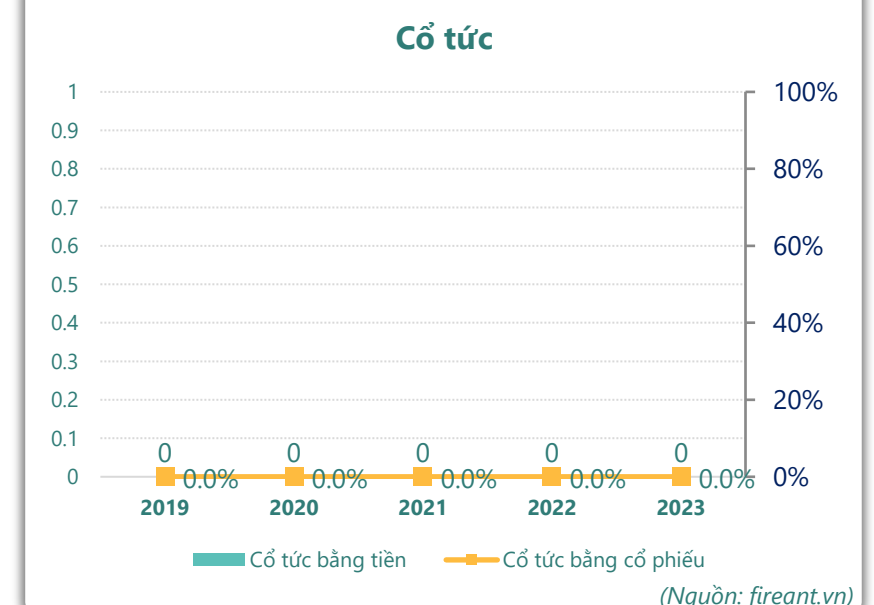
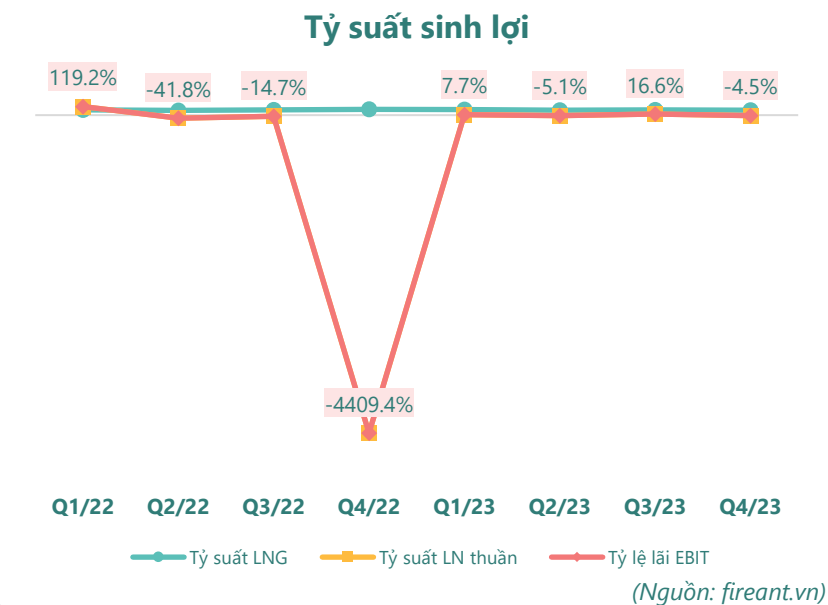
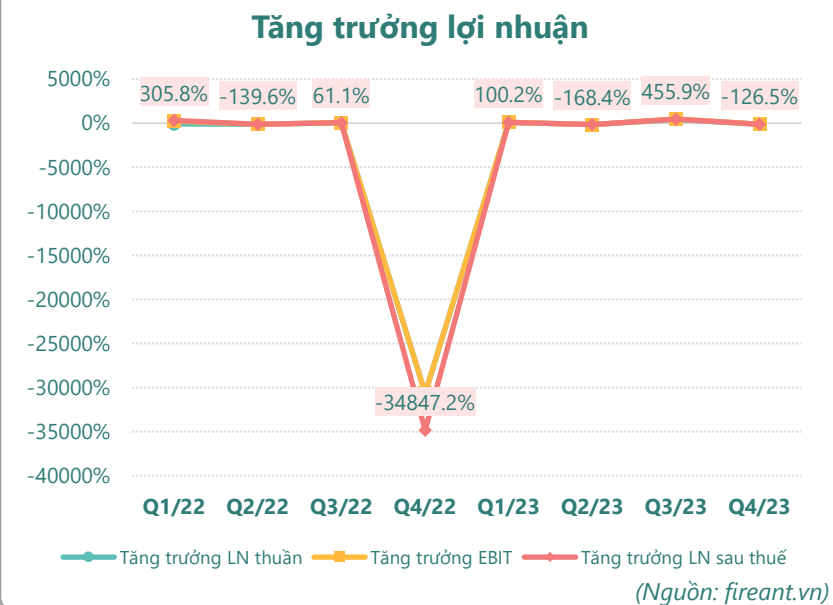
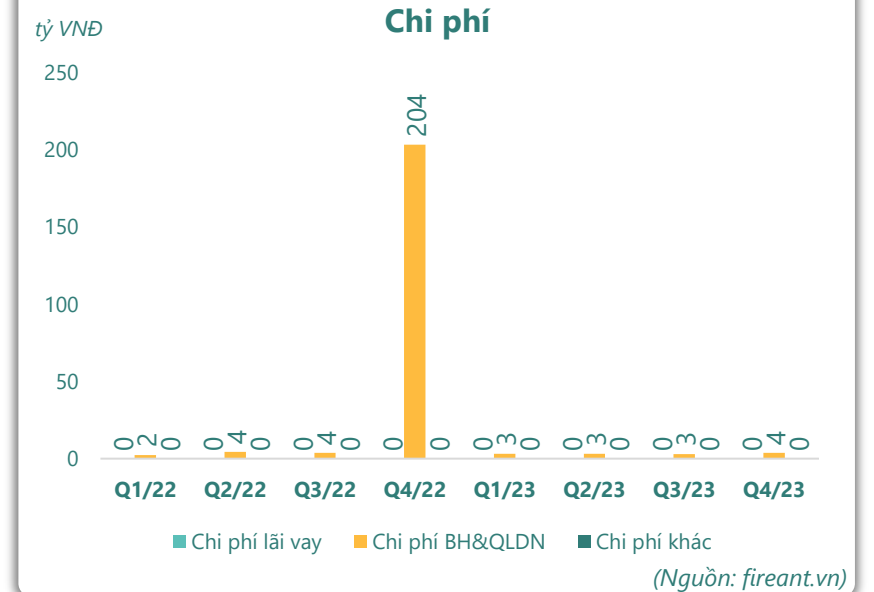
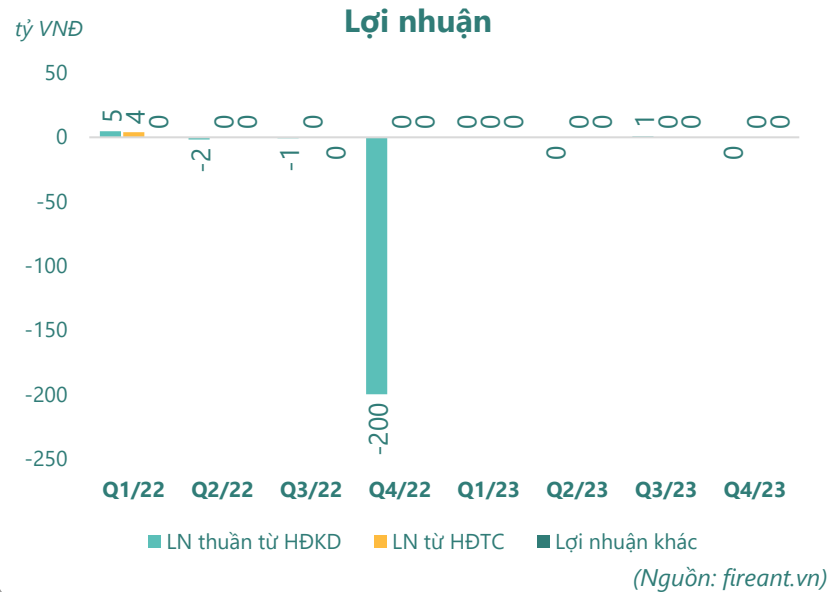
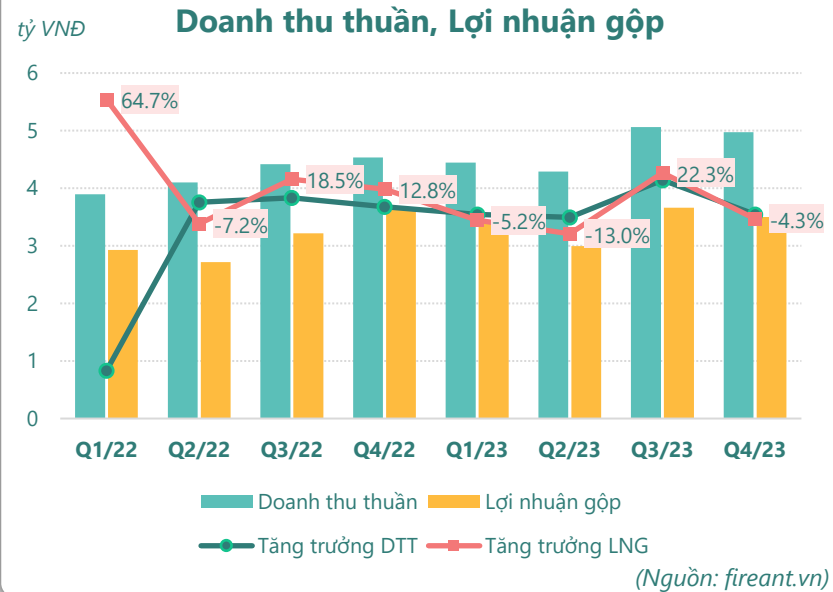
DT thuần 2023
18.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.60 9.0%

LN thuần 2023
0.52
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 199 100%

LN sau thuế 2023
0.72
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 199 100%



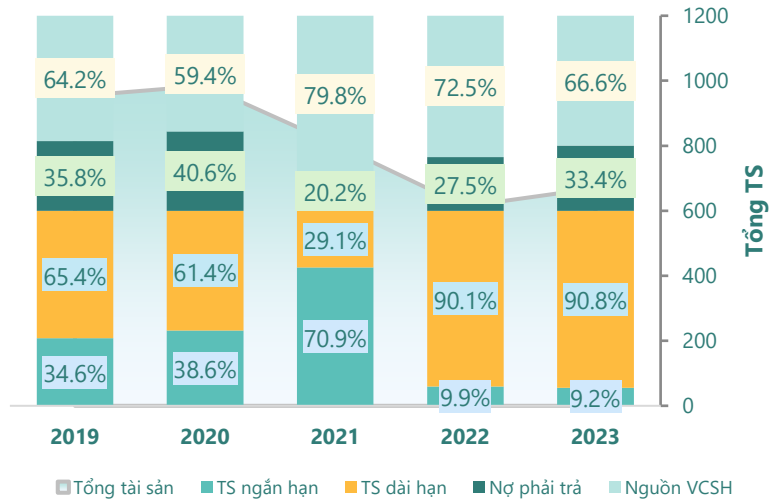
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

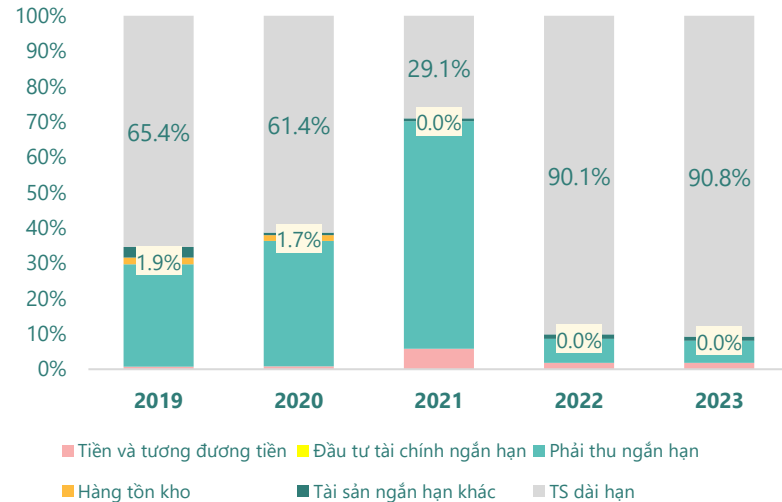
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

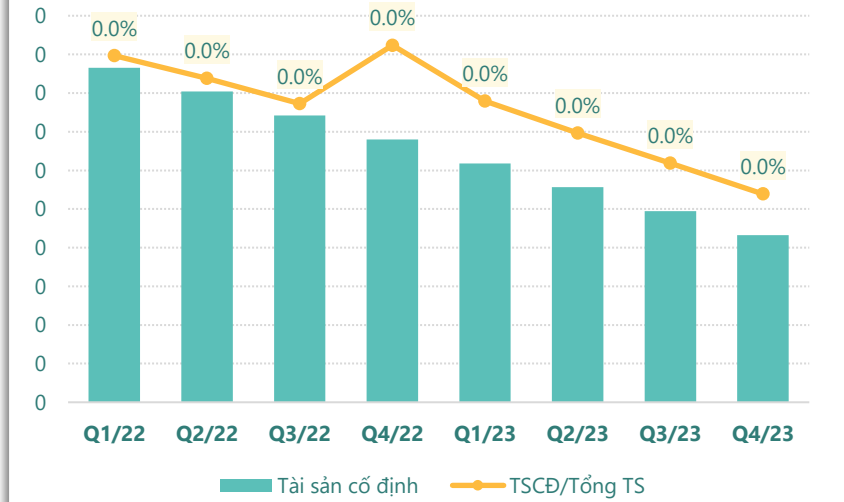
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

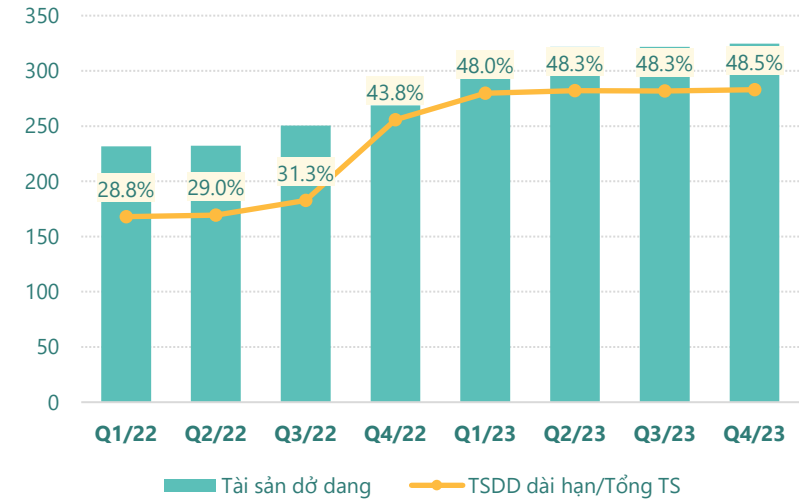
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

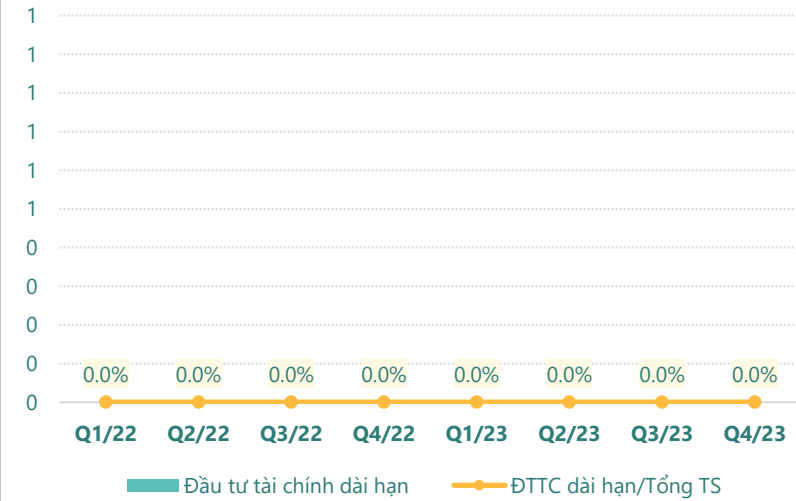
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

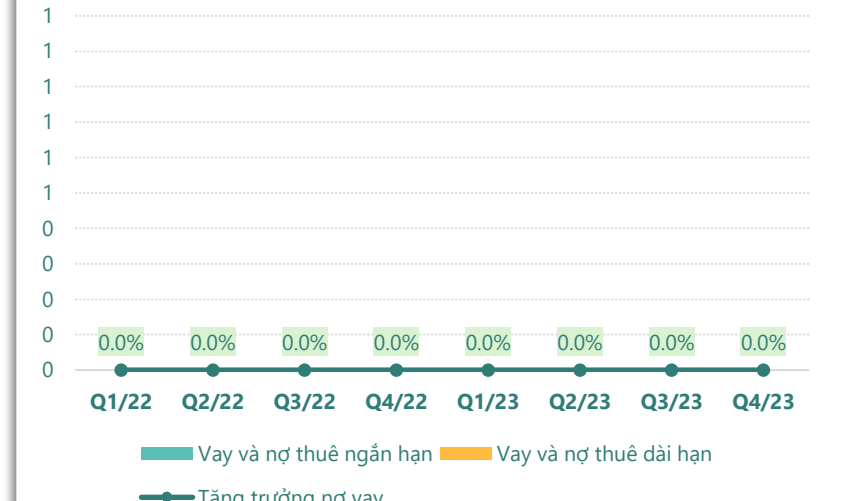
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

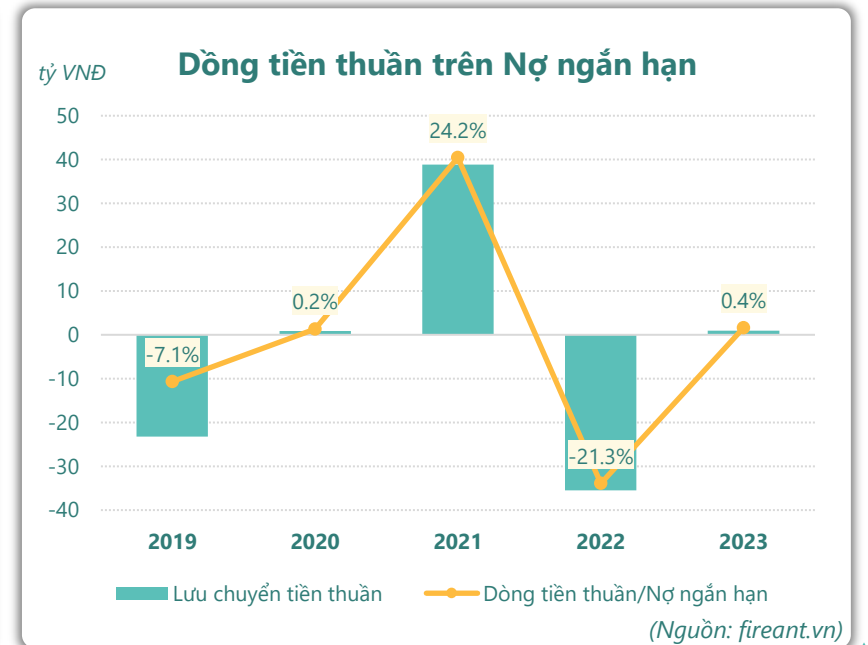
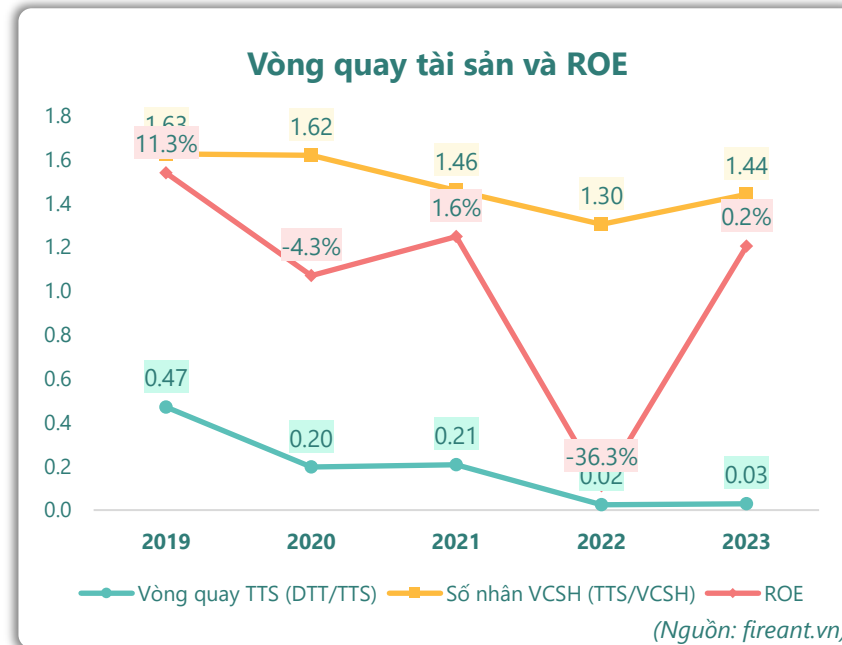
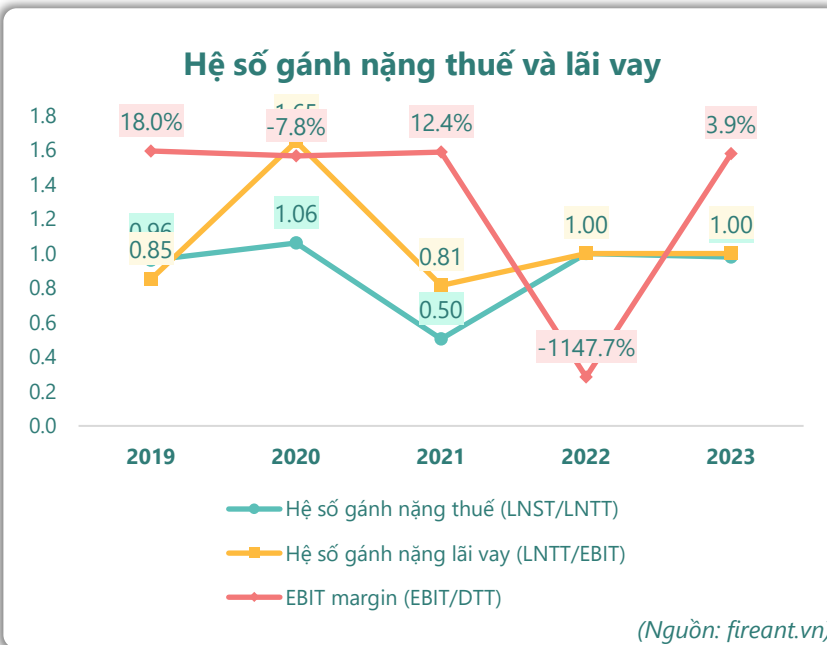
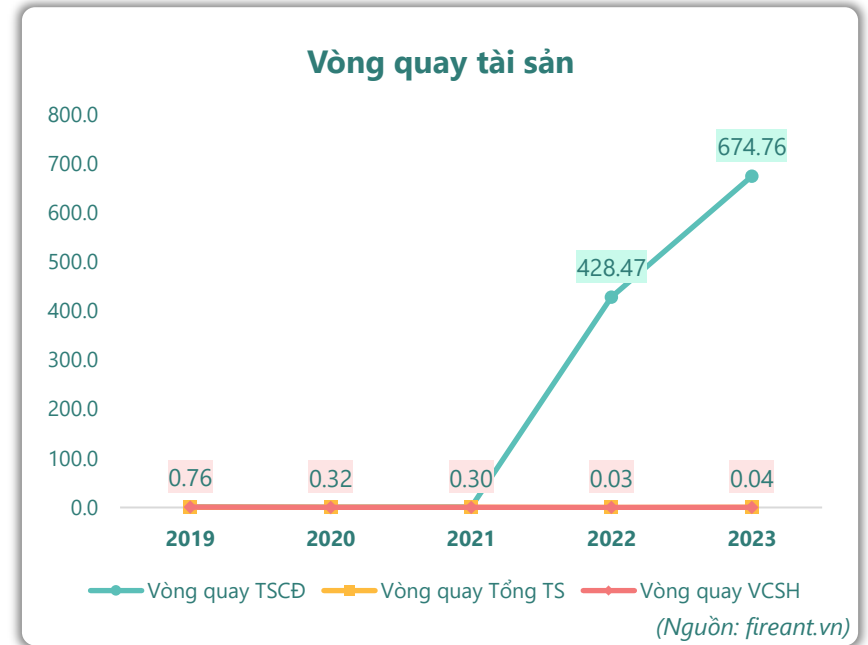
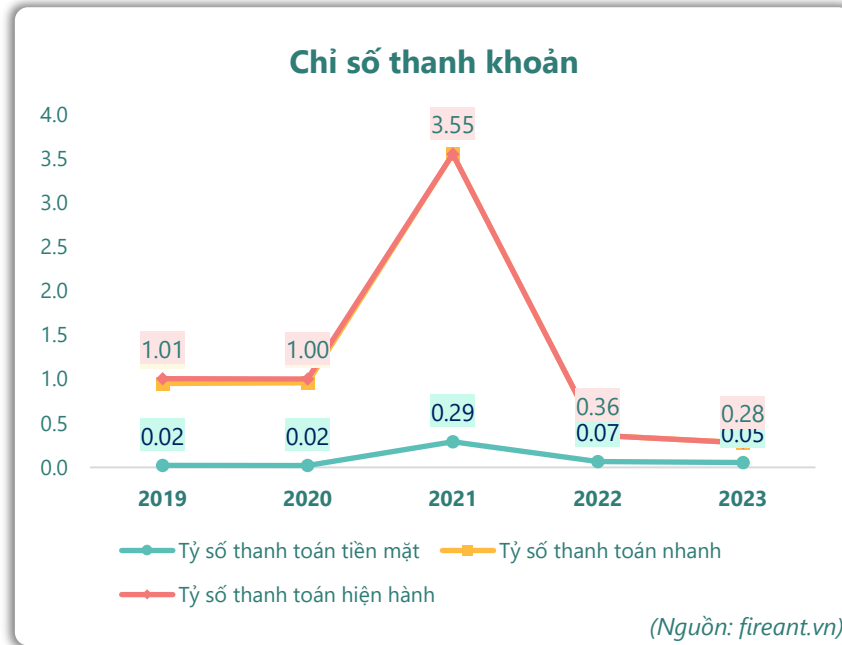
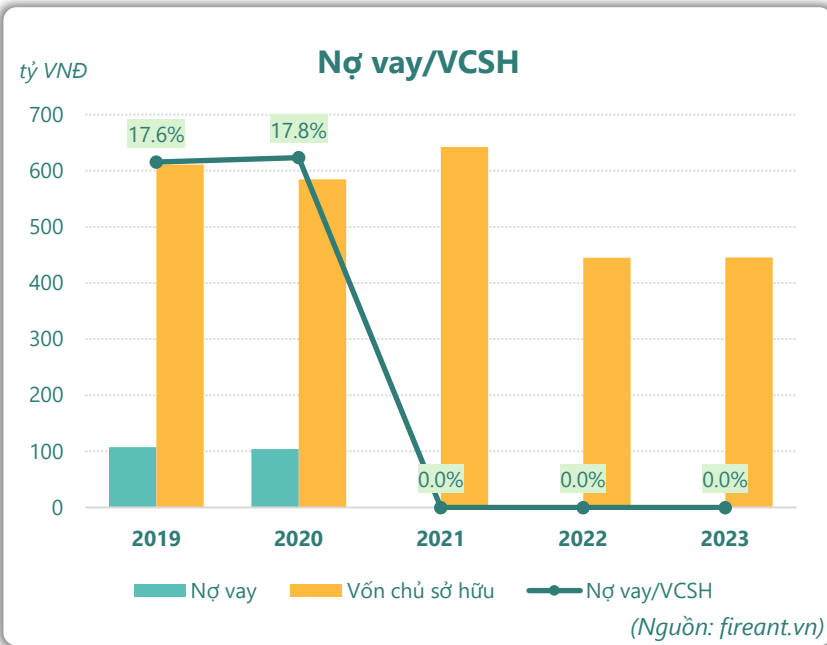
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q4/22	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	4.97	4.53	9.8%	18.8	17.2	9.0%
Giá vốn hàng bán	1.47	0.90	63.5%	5.18	4.72	9.6%
Lợi nhuận gộp	3.50	3.63	-3.6%	13.6	12.5	8.8%
Doanh thu HĐTC	0.01	0.01	-39.1%	0.03	3.97	-99.3%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0.05	-100%
Chi phí QLDN	3.81	204	-98.1%	13.1	214	-93.9%
LN thuần từ HĐKD	-0.30	-200	99.9%	0.52	-198	100%
Lợi nhuận khác	0.08	0.00		0.22	0.02	789%
LN trước thuế	-0.22	-200	99.9%	0.74	-198	100%
Lợi nhuận sau thuế	-0.22	-199	99.9%	0.72	-198	100%
LNST của CĐ cty mẹ	-0.22	-199	99.9%	0.72	-198	100%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/22	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	18.7	5.66	47.3	-48.0	1.16	0.66
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-18.2	-5.65	-48.2	48.0	-0.04	0.03
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.03	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	10.8	11.2	11.2	10.3	10.3	11.4
Lưu chuyển tiền thuần	0.40	0.01	-0.86	-0.04	1.12	0.70
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0	0	0	0.00
Tiền cuối kỳ	11.2	11.2	10.3	10.3	11.4	12.1

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
TỔNG TÀI SẢN	669	614	9.1%
Tài sản ngắn hạn	61.5	60.7	1.4%
Tiền và tương đương tiền	12.1	11.2	8.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	42.1	41.6	1.3%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	7.34	7.93	-7.5%
Tài sản dài hạn	608	553	9.9%
Phải thu dài hạn	280	280	0.0%
Tài sản cố định	0.02	0.03	-36.4%
Bất động sản đầu tư	2.20	2.40	-8.5%
Tài sản dở dang	325	269	20.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.93	1.59	-41.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	224	169	32.6%
Nợ ngắn hạn	221	167	32.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	20.4	12.6	62.0%
Nợ dài hạn	2.69	1.71	57.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	446	445	0.2%
Vốn chủ sở hữu	446	445	0.2%
Vốn điều lệ	386	386	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

